



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2026

BẢNG ĐIỂM GIỚI TỬ THỨC XOA MA NA

SBD	PHÁP DANH	THẾ DANH	ĐƠN VỊ	HỆ PHÁI	ĐIỂM THI VẤN ĐÁP		ĐIỂM THI VIẾT		TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM TRUNG BÌNH	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
					GK (1)	GK (2)						
043	TN.TUỆ BÌNH	Vương Thu Oanh	P. Tân Tạo	Bắc tông	10	9,5	9	9	37,5	9,38		
002	TN.LIÊN KHIÊM	Võ Thị Nguyên	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	9,5	10	9	9	37,5	9,38		
053	TN.VIÊN KHANH	Nguyễn Hồng Anh	P. Phú Mỹ	Bắc tông	9,5	9,5	9	9	37	9,25		
050	TN.TUỆ PHÁT	Đoàn Phi Yến	P. Bình Trị Đông	Bắc tông	9,5	9	9	9	36,5	9,13		
003	TN.LIÊN NGỌC	Lê Liên Đài	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	9,5	9,5	8,5	9	36,5	9,13		
021	TN.MINH HUỆ	Nguyễn Thị Thùy Ngân	P. An Lạc	Bắc tông	9	9	9	9	36	9,00		
006	TN.LIÊN THANH	Lê Thị Ngọc Thừa	P. Thông Tây Hội	Khất sĩ	9,5	9,5	8,5	8,5	36	9,00		
052	TN.VẠN HÀ	Phạm Thị Kiều Vân	X. Củ Chi	Bắc tông	9,5	9	8,5	8,5	35,5	8,88		
005	TN.LIÊN NHÀN	Vũ Thị Bích Trang	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	9	9,5	8,5	8,5	35,5	8,88		
013	TN.DIỆU Ý	Phạm Vân Thiên Lan	P. Khánh Hội	Bắc tông	9	7,5	9	9,5	35	8,75		
014	TN.ĐỒNG HẠNH	Nguyễn Thị Bích Ngọc	P. Bình Trị Đông	Bắc tông	7	10	9	9	35	8,75		
017	TN.GIÁC LỆ TÂM	Vũ Đỗ Trà My	P. Tân Tạo	Bắc tông	9,5	8,5	8,5	8,5	35	8,75		

037	TN.THẢO NHÃ	Phan Thị Kim Duyên	P. An Phú	Bắc tông	9	8	9	9	35	8,75		
016	TN.GIÁC LỆ HẢI	Nguyễn Thị Bích Hồng	P. Bình Trị Đông	Bắc tông	9,5	9,5	8	7	34	8,50		
018	TN.HẢI NGỌC	Lê Mỹ Thanh	P. Tam Long	Bắc tông	9,5	9	8	7,5	34	8,50		
031	TN.PHƯỚC THUẬN	Lê Thị Hiền	P. Tân Sơn Nhì	Bắc tông	8	7	9,5	9,5	34	8,50		
032	TN.PHƯỚC TUỆ	Lê Thị Nha	P. Tân Sơn Nhì	Bắc tông	8	8	9	9	34	8,50		
039	TN.THỌ TẤN	Lê Thị Diệu Huyền	P. Tam Bình	Bắc tông	8	8	9,5	8,5	34	8,50		
048	TN.TUỆ LỘC	Nguyễn Thị Ni	P. Tân Tạo	Bắc tông	8	8	9	9	34	8,50		
044	TN.TUỆ HÒA	Huỳnh Thị Tuyết Anh	P. Tân Tạo	Bắc tông	9	9	8	7,5	33,5	8,38		
047	TN.TUỆ LIÊN	Phạm Thị Hồng Nhung	P. Bình Trị Đông	Bắc tông	9	9	8	7,5	33,5	8,38		
030	TN.PHÁP NHÃ	Nguyễn Thị Vân Anh	X. Củ Chi	Bắc tông	8	8	8,5	8,5	33	8,25		
038	TN.THỌ TÂM	Trần Thị Yến Nhi	P. Thạnh Mỹ Tây	Bắc tông	8	8	9	8	33	8,25		
046	TN.TUỆ LẠC	Phạm Thị Ngọc Thúy	P. Bình Trị Đông	Bắc tông	8,5	9	8	7,5	33	8,25		
049	TN.TUỆ NIỆM	Nguyễn Thị Trân	P. Bình Trị Đông	Bắc tông	10	9,5	7	6,5	33	8,25		
004	TN.DIỆU ĐĂNG	Phạm Thị Tuyết Hoa	P. Phú Định	Bắc tông	8,5	8	8,5	7,5	32,5	8,13		
012	TN.DIỆU VIÊN	Nguyễn Ngọc Minh Châu	P. Tân Thành	Bắc tông	9	9	7	7,5	32,5	8,13		
024	TN.NGUYỄN TÁNH	Lê Quê Phương	X. Xuân Sơn	Bắc tông	8	7	9	8,5	32,5	8,13		
034	TN.QUẢNG THIÊN	Nguyễn Thị Bích Duyên	X. Bình Lợi	Bắc tông	7	7	9,5	9	32,5	8,13		
042	TN.TRUYỀN THẢO	Vũ Thị Hòa	P. Bình Tiên	Bắc tông	7	9	8	8,5	32,5	8,13		
005	TN.DIỆU HẠNH	Nguyễn Thị Hải	P. Tân Hải	Bắc tông	9,5	9,5	7	6	32	8,00		
026	TN.NHẬT TUỆ	Nguyễn Thị Mỹ Dung	P. Phú Mỹ	Bắc tông	9	8	7,5	7,5	32	8,00		
007	TN.DIỆU MỸ	Đỗ Anh Thúy	P. Tân Thành	Bắc tông	6,5	9,5	7,5	8	31,5	7,88		

010	TN.DIỆU TỊNH	Lâm Thị Bích Phượng	P. Phú Định	Bắc tông	8	9,5	7	6,5	31	7,75		
027	TN.PHÁP CHÂN	Tạ Thị Thu	X. Củ Chi	Bắc tông	9	8	7	7	31	7,75		
045	TN.TUỆ KHÁNH	Dương Thị Yến	P. Bình Trị Đông	Bắc tông	9	8,5	7	6,5	31	7,75		
003	TN.DIỆU CHƠN	Lê Thị Bích Truyền	P. Vũng Tàu	Bắc tông	8,5	8	7,5	6,5	30,5	7,63		
004	TN.LIÊN NGỌC	Nguyễn Thị Hường	P. Tân Hải	Khất sĩ	9	8,5	6,5	6,5	30,5	7,63		
007	TN.LIÊN THỦY	Huỳnh Kim Hoàng	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	8,5	8	7	7	30,5	7,63		
035	TN.QUẢNG TUỆ	Nguyễn Thị Huệ	X. An Nhơn Tây	Bắc tông	8	7	8	7	30	7,50		
019	TN.HUỆ TRÍ	Trần Thị Kim Ngân	P. Phú Mỹ	Bắc tông	9,5	8,5	6	5,5	29,5	7,38		
040	TN.TRUNG ÁNH	Khổng Thị Kim Oanh	P. Phú Thạnh	Bắc tông	7	7	8	7,5	29,5	7,38		
051	TN.TUỆ PHÁT	Dương Đức Kim Oanh	P. Phú Mỹ	Bắc tông	9	8,5	6	6	29,5	7,38		
001	TN.LIÊN ĐĂNG	Lương Thị Liễu	P. Tam Long	Khất sĩ	9	9	5,5	6	29,5	7,38		
020	TN.KHÁNH TÂM	Trần Thị Ngọc Ái	X. Châu Pha	Bắc tông	8,5	8	6,5	6	29	7,25		
008	TN.LIÊN TỊNH	Lê Kim Hà	P. Hạnh Thông	Khất sĩ	8,5	8,5	6	6	29	7,25		
009	TN.DIỆU TÂM	Nguyễn Minh Thư	P. Tân Thành	Bắc tông	8,5	7,5	6	6,5	28,5	7,13		
033	TN.QUANG ĐỨC	Trương Thị Thanh Vân	X. Tân An Hội	Bắc tông	6	8	6,5	8	28,5	7,13		
008	TN.DIỆU PHƯỚC	Nguyễn Thị Hiền	P. Phú Định	Bắc tông	7,5	8	6,5	6	28	7,00		
029	TN.PHÁP HOA	Hồ Hoài Anh	X. Củ Chi	Bắc tông	8	6	6,5	6,5	27	6,75		
036	TN.THÁNH MINH	Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	P. Thới An	Bắc tông	6	7	6	6,5	25,5	6,38		
022	TN.NGUYỄN ĐỨC	Lê Thị Nga	X. Xuân Sơn	Bắc tông	7	6	5	5	23	5,75		
006	TN.DIỆU HIẾU	Nguyễn Thị Đông Anh	P. An Hội Tây	Bắc tông	5	5	6,5	5,5	22	5,50		
041	TN.TRUNG THÀNH	Nguyễn Thụy Trường Vân	P. An Lạc	Bắc tông	6	6	5	5	22	5,50		

011	TN.DIỆU TRÂN	Lê Thị Trân	P. Tân Tạo	Bắc tông	5	5	6	5	21	5,25		
023	TN.NGUYỄN NIỆM	Hà Lệ Loan	X. Xuân Sơn	Bắc tông	5	7	3	3	18	4,50	Trượt	
015	TN.ĐỨC PHƯỚC	Nguyễn Thị Mỹ Giang	P. Vũng Tàu	Bắc tông	6,5	7	0	0	13,5	3,38	Trượt	
001	TN.AN NGA	Đỗ An Nga	P. Tân Tạo	Bắc tông								Vắng
002	TN.CHÚC TÂM	Đinh Thị Mỹ Thu	P. Tân Tạo	Bắc tông								Vắng
025	TN.NGUYỄN TÍN	Trần Thị Kiều Trang	X. Xuân Sơn	Bắc tông								Rút hồ sơ
028	TN.PHÁP ĐỨC	Trần Gia Hân	X. Củ Chi	Bắc tông								Vắng
009	TN.LIÊN DIỄN	Nguyễn Thị Thu Nga	P. Hạnh Thông	Khất sĩ								Rút hồ sơ